

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 19 - 3 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Ông Phạm Văn Tư

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

- *Họ và tên*: Trần Văn N (tên gọi khác: TĐ), sinh năm 1993, tại tỉnh Vĩnh Long

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà B, đường X, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; anh chị em ruột: có 01 người sinh năm 1995; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: năm 2006 có hành vi hủy hoại tài sản, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng; ngày 26/3/2009 bị Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Cần Thơ xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 22/4/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 29/11/2014 chấp hành xong án phạt tù; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

- *Bi hại*: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1947 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, đường X, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1962 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà H1, đường N, phường H2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N là đối tượng thường xuyên bỏ nhà sống lang thang trên địa bàn thành phố V. Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/7/2019, N tìm đến nhà của bà ngoại là bà Ngô Thị M, nhưng bà M vắng nhà. N trèo qua cửa rào đột nhập vào bên trong nhà tìm tài sản lấy trộm. N tìm trong tủ quần áo thấy có một hộp (loại dùng chứa nước sơn có nắp đậy) nhưng không có tài sản bên trong. Tiếp tục tìm kiếm, N phát hiện 01 vali loại có dây kéo dùng chứa quần áo, mở vali ra xem thì phát hiện một gói giấy màu trắng gói đôi bông tai bằng kim loại màu vàng. N liền cho đôi bông tai vào túi áo bên trái rồi trèo ra ngoài. N mang đôi bông tai trộm được đến khu vực chợ phường H, thành phố V vào tiệm cầm đồ “MHP”, địa chỉ: số H1, đường N, phường H2, thành phố V do ông Nguyễn Hồng Đ làm chủ cầm đôi bông tai có trọng lượng 01 chỉ vàng 24K được số tiền 3.000.000 đồng. N sử dụng số tiền 3.000.000 đồng vào việc mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S giá 1.100.000 đồng, tiêu xài cá nhân số tiền 250.000 đồng, còn lại 1.650.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, khoảng 09 giờ 50 phút cùng ngày, bà Ngô Thị M đến Công an phường H, thành phố V trình báo sự việc. Qua xác minh, Công an phường H, thành phố V mời N đến làm việc thì N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, số tiền 1.650.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 78/HĐĐG&TTHS ngày 06/9/2019, Hội đồng định giá và tổ tụng hình sự thành phố V đã kết luận: Đôi bông tai của bà Ngô Thị M trị giá 3.500.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định ông Nguyễn Hồng Đ khi nhận cầm đôi bông tai của N không biết tài sản do N phạm tội mà có và đã giao nộp cơ quan Công an 01 đôi bông tai nên không xử lý hình sự đối với ông Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ngô Thị M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác. Ông Nguyễn Hồng Đ yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSND-TPVL ngày 17/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Trần Văn N về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia xét xử đã trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Trần Văn N. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 01 năm 06 tháng – 02 năm tù. Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo N bồi thường ông Đ số tiền 3.000.000 đồng; tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng - vàng và số tiền 1.650.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Buộc bị cáo N nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo N không tham gia tranh luận, không ý kiến đối đáp; trong phần nói sau cùng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn N đã khai hành vi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn N phạm “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đang ở tuổi lao động lại không chí thú tìm việc làm đúng đắn để có nguồn thu nhập chân chính, đã không tu dưỡng, thiếu rèn luyện bản thân, sớm

sử dụng ma túy, vì lòng tham, lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Ngô Thị M 01 đôi bông tai có trọng lượng 01 chỉ vàng 24K trị giá 3.500.000đ nên bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi vi phạm pháp luật của mình. Bị cáo có nhân thân không tốt, ngày 26/3/2009 bị Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Cần Thơ xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 22/4/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/11/2014. Vì vậy, với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, giúp bị cáo cải tạo bản thân và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Bị cáo N không nghề nghiệp, không tài sản nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bà Ngô Thị M đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại tài sản 01 đôi bông tai, không còn yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Ông Nguyễn Hồng Đ yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo N đồng ý bồi thường ông Đ số tiền nêu trên. Xét thấy, ông Đ nhận cầm từ bị cáo N 01 đôi bông tai, đã không biết tài sản này do bị cáo trộm cắp mà có. Vì vậy, yêu cầu này của ông Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo N bồi thường ông Đ số tiền 3.000.000 đồng.

[5] Xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng - vàng và số tiền 1.650.000 đồng trả lại bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Án phí: Buộc bị cáo Trần Văn N nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Trần Văn N.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Trần Văn N được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/11/2019.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn N bồi thường ông Nguyễn Hồng Đ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng: *Các vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/02/2020 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được xử lý như sau:*

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng - vàng và số tiền 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số No 001587 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn N nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, bị cáo Trần Văn N, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Công an cùng cấp: 1;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh: 1;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- UBND phường H, TPVL: 1;
- Bị cáo: 1;
- Dương sự khác: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

